UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 5253 /QĐ-UBND	*Đà Nẵng, ngày 16 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án "Truyền thông khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 - 2030"

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15 ngày 30/11/2024;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số 71/2025/QH15 ngày 14/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 ngày 27/6/2025;

Căn cứ Luật Báo chí số 126/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số 148/2025/QH15 ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;

Căn cứ Nghị định số 148/2026/NĐ-CP ngày 12/5/2026 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2015/NĐ-CP ngày 07/9/2015 của Chính phủ về quản lý hoạt động thông tin đối ngoại;

Căn cứ Quyết định số 1169/QĐ-TTg ngày 16/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình "Đẩy mạnh truyền thông thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW đến năm 2030";

Căn cứ Quyết định số 2541/QĐ-BKHCN ngày 22/5/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ truyền thông khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 4348/TTr-SKHCN ngày 31/10/2026 về việc phê duyệt Phê duyệt Đề án "Truyền thông khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 - 2030"; kết quả biểu quyết của các thành viên

UBND thành phố tại Mục 14 Thông báo số 1090/TB-VP ngày 03/11/2026 của Văn phòng UBND thành phố và và ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND thành phố tại Công văn số 4637-CV/ĐU ngày 13/11/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Đề án "Truyền thông khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 - 2030" kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức phổ biến và triển khai Đề án "Truyền thông khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 - 2030".

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng, Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các phường, xã, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- TT TU, TT HĐND, UBMTTQVN TP (b/c);
- BTV ĐU UBND TP (b/c);
- CT, các PCT UBND TP;
- VP TU; Ban TG TU;
- Báo&PTTH Đà Nẵng, Cổng TTĐT TP;
- CPVP, các Phòng CV;
- Lưu: VT, SKHCN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Quang Bửu

UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN
Truyền thông khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 5253/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng)

PHẦN MỞ ĐẦU

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu, đồng thời yêu cầu đẩy mạnh công tác truyền thông để đổi mới tư duy, tạo sự thống nhất nhận thức và hành động trong toàn xã hội. Thực hiện chủ trương này, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quyết định số 1169/QĐ-TTg ngày 16/6/2025 ban hành Chương trình "Đẩy mạnh truyền thông thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW đến năm 2030", trong đó yêu cầu các địa phương tổ chức truyền thông đồng bộ, thường xuyên, đa hệ thống và có đánh giá kết quả. Bộ KH&CN đã ban hành Bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ truyền thông khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia theo Quyết định số 2541/QĐ-BKHCN ngày 22/5/2026, đặt ra yêu cầu đo lường kết quả truyền thông theo tiêu chí thống nhất trên cả nước.

Ở cấp thành phố, Kế hoạch hành động số 21-KH/TU ngày 10/9/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy và Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 16/10/2025 của UBND thành phố đã xác định truyền thông là một nhóm nhiệm vụ để thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW. Trong năm 2025 - 2026, UBND thành phố đã ban hành nhiều đề án, chương trình lớn về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (sau đây viết tắt là KHCN, ĐMST và CĐS), công nghệ chiến lược, vi mạch bán dẫn và trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, công nghệ, đẩy mạnh hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng, phát triển tài sản trí tuệ. Mỗi đề án đều có nội dung truyền thông, nhưng được bố trí rải rác, chưa có một đầu mối, một kế hoạch và một bộ thông điệp chung.

Giai đoạn 2021 - 2025, công tác truyền thông về KHCN, ĐMST và CĐS trên địa bàn thành phố đã đạt một số kết quả nhất định với nhiều hình thức và nội dung phong chú, đã góp phần truyền tải thông tin, lan tỏa những thành tựu KHCN, ĐMST và CĐS đến người dân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước. Tuy nhiên, các định hướng và nhiệm vụ truyền thông được thành phố triển khai rải rác ở từng đề án riêng lẻ về phát triển KHCN, ĐMST và CĐS. Nguồn lực truyền thông còn hạn chế, trang thiết bị và nhân lực chưa tương xứng với tiềm lực của thành phố, hệ thống tư liệu chưa tập trung, phần lớn hình thức truyền thông vẫn còn

mang tính truyền thống, chưa gắn liền với công tác chuyển đổi số, xây dựng thành phố thông minh.

Từ ngày 01/7/2025, thành phố Đà Nẵng (mới) được hình thành trên cơ sở hợp nhất thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam, với diện tích 11.859,59 km², dân số trên 3,06 triệu người và 94 đơn vị hành chính cấp xã, gồm cả đô thị trung tâm, nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng di sản và đặc khu. Không gian phát triển mới đòi hỏi công tác truyền thông phải vừa hiện đại, vừa bao phủ đến cơ sở, phù hợp với đặc điểm hoạt động của các lĩnh vực trên từng địa bàn khác nhau.

Đồng thời, sự phát triển nhanh của mạng xã hội, công nghệ và trí tuệ nhân tạo tạo sinh vừa mở ra cơ hội sản xuất, phân phối nội dung nhanh hơn, vừa làm gia tăng thông tin sai lệch, lừa đảo trực tuyến và tin giả sâu. Truyền thông về KHCN, ĐMST và CĐS vì vậy không chỉ là phổ biến thông tin mà còn phải góp phần xây dựng niềm tin, giúp người dân kiểm chứng thông tin và sử dụng công nghệ an toàn.

Việc ban hành Đề án "Truyền thông KHCN, ĐMST và CĐS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 - 2030" là hết sức cần thiết nhằm thống nhất một khung định hướng, một đầu mối điều phối và một bộ thông điệp chung cho truyền thông cả ba lĩnh vực KHCN, ĐMST và CĐS trên địa bàn thành phố. Bên cạnh đó, Đề án này sẽ kết nối, dùng chung nguồn lực truyền thông của các đề án, chương trình đã ban hành, tránh trùng lặp và phân tán; xác định cụ thể nhiệm vụ, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, lộ trình, kinh phí và chỉ tiêu đánh giá làm cơ sở để tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra và giám sát. Qua đó, góp phần xây dựng hình ảnh Đà Nẵng là trung tâm KHCN, ĐMST và CĐS của khu vực, thu hút nhân lực, đầu tư và đối tác trong nước, quốc tế.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Căn cứ chính trị

a) Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

b) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

c) Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới.

d) Kế hoạch hành động số 21-KH/TU ngày 10/9/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

2. Căn cứ pháp lý

a) Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng; Nghị quyết số 259/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 136/2024/QH15.

b) Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

c) Nghị định số 148/2026/NĐ-CP ngày 12/5/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2015/NĐ-CP ngày 07/9/2015 của Chính phủ về quản lý hoạt động thông tin đối ngoại.

d) Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24/06/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số.

d) Quyết định số 1169/QĐ-TTg ngày 16/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình "Đẩy mạnh truyền thông thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW đến năm 2030".

đ) Quyết định số 2541/QĐ-BKHCN ngày 22/5/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ truyền thông khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

e) Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND thành phố Đà Nẵng quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức hội nghị trên địa bàn thành phố.

3. Các chương trình, đề án, kế hoạch của UBND thành phố

a) Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 21/01/2025 ban hành Đề án "Phát triển lĩnh vực vi mạch bán dẫn và trí tuệ nhân tạo thành phố Đà Nẵng".

b) Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 16/10/2025 triển khai Kế hoạch hành động số 21-KH/TU ngày 10/9/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

c) Quyết định số 2988/QĐ-UBND ngày 16/12/2025 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 252-KH/TU ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Ban Thường vụ Thành ủy Đà Nẵng về quán triệt, tuyên truyền và triển khai thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

d) Quyết định số 3026/QĐ-UBND ngày 17/12/2025 về phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026-2030.

đ) Quyết định số 3292/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 ban hành Đề án Chuyển đổi số góp phần thúc đẩy, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội thành phố giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035.

e) Quyết định số 3345/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 phê duyệt Đề án "Đà Nẵng - Thành phố đổi mới sáng tạo".

g) Quyết định số 3404/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 phê duyệt Đề án "Phát triển KH&CN thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035".

h) Quyết định số 2728/QĐ-UBND ngày 23/6/2026 ban hành Đề án thúc đẩy ứng dụng và phát triển công nghệ chuỗi khối tại thành phố Đà Nẵng đến năm 2030.

i) Quyết định số 2778/QĐ-UBND ngày 25/6/2026 phê duyệt Chương trình phát triển công nghệ chiến lược và công nghiệp công nghệ số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045.

k) Quyết định số 3015/QĐ-UBND ngày 08/7/2026 ban hành Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 98-KH/TU của Ban Thường vụ Thành ủy về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Phạm vi

Đề án áp dụng trên toàn địa bàn thành phố Đà Nẵng, bao gồm 94 xã, phường, đặc khu; bao quát ba lĩnh vực: truyền thông khoa học công nghệ (sau đây viết tắt là KHCN), truyền thông đổi mới sáng tạo (sau đây viết tắt là ĐMST) và truyền thông (sau đây viết tắt là CĐS). Đề án không thay thế nội dung truyền thông chuyên ngành đã được giao tại các đề án khác mà đóng vai trò khung điều phối chung, bảo đảm các hoạt động được thực hiện thống nhất, dùng chung dữ liệu và thông điệp.

Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030.

Năm 2026 tập trung hoàn thiện hành lang pháp lý, kiện toàn nhân lực, tập trung triển khai các nhiệm vụ đã được bố trí kinh phí chi thường xuyên theo đúng tiến độ được giao; năm 2027 bắt đầu triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo Đề án này.

2. Đối tượng

Truyền thông KHCN, ĐMST và CĐS hướng tới toàn thể xã hội: mọi người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức đều là đối tượng tiếp nhận thông tin của Đề án. Để phân bổ nguồn lực hợp lý, Đề án xác định 08 nhóm đối tượng cần ưu tiên thiết kế nội dung và kênh riêng; việc xác định nhóm ưu tiên không loại trừ các đối tượng khác.

Chủ thể tham gia thực hiện gồm: các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; các cơ quan báo chí, Cổng Thông tin điện tử thành phố, hệ thống thông tin cơ sở; các trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức KH&CN; doanh nghiệp, hiệp hội; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố; chuyên gia, cộng tác viên và cộng đồng.

3. Phương pháp nghiên cứu

Đề án sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp:

a) Phương pháp thu thập thông tin, tài liệu

Thu thập, tổng hợp các văn bản chỉ đạo của Trung ương, các bộ, ngành và thành phố liên quan đến KHCN, ĐMST và CĐS và công tác truyền thông; các chương trình, kế hoạch, đề án đã và đang triển khai trên địa bàn thành phố. Đồng

thời thu thập các báo cáo, số liệu, tài liệu nghiên cứu, thông tin từ các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức KH&CN, cơ quan báo chí, doanh nghiệp và các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST nhằm phục vụ cho việc đánh giá thực trạng và xây dựng nội dung Đề án.

b) Phương pháp phân tích, tổng hợp

Thực hiện phân tích, đánh giá các thông tin, số liệu đã thu thập để làm rõ thực trạng công tác truyền thông KHCN, ĐMST và CĐS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua; từ đó tổng hợp các kết quả đạt được, những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân, làm cơ sở đề xuất các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phù hợp cho giai đoạn 2026 - 2030.

c) Phương pháp khảo sát thực tế

Tổ chức khảo sát thực tế tại một số địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức KH&CN, doanh nghiệp, cơ quan báo chí có hoạt động truyền thông hiệu quả về KHCN, ĐMST và CĐS nhằm học tập kinh nghiệm, mô hình triển khai phù hợp để áp dụng cho thành phố Đà Nẵng.

d) Phương pháp tham vấn chuyên gia

Tham khảo ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, chuyên gia truyền thông, đại diện các cơ quan báo chí, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST và doanh nghiệp trong quá trình xây dựng Đề án nhằm đảm bảo tính khoa học, thực tiễn và khả thi của các nội dung đề xuất.

đ) Phương pháp hội thảo, lấy ý kiến

Tổ chức hội thảo khoa học, hội nghị lấy ý kiến các sở, ban, ngành, địa phương, các tổ chức, doanh nghiệp và các đơn vị liên quan đối với dự thảo Đề án để tiếp thu, hoàn thiện nội dung trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

e) Phương pháp so sánh, đối chiếu

Nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm triển khai công tác truyền thông KHCN, ĐMST và CĐS của một số địa phương trong nước và quốc tế; so sánh, đối chiếu với điều kiện thực tiễn của thành phố Đà Nẵng để đề xuất các giải pháp phù hợp và hiệu quả.

PHẦN I
PHÂN TÍCH BỐI CẢNH VÀ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I. PHÂN TÍCH BỐI CẢNH TÁC ĐỘNG ĐẾN CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

Giai đoạn 2021 - 2025 chứng kiến ba thay đổi lớn tác động trực tiếp đến truyền thông KHCN, ĐMST và CĐS. Thứ nhất, KH&CN trở thành chủ đề của đời sống hằng ngày; người dân đòi hỏi thông tin vừa nhanh vừa có nguồn tin cậy. Thứ hai, mạng xã hội và video ngắn thay đổi cách người dân tìm kiếm và chia sẻ thông tin; nội dung phải ngắn gọn, trực quan nhưng không được đánh đổi độ chính xác. Thứ ba, trí tuệ nhân tạo tạo sinh giúp giảm chi phí sản xuất nội dung nhưng làm tăng nguy cơ thông tin bịa đặt, tin giả sâu và vi phạm bản quyền.

Ở trong nước, Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình hành động của Chính phủ về KHCN, ĐMST và CĐS, đặt người dân và doanh nghiệp ở vị trí trung tâm, nhà khoa học là nhân tố then chốt. Quyết định số 1169/QĐ-TTg chuyển truyền thông từ cách làm theo đợt, theo phong trào sang truyền thông thường xuyên, có kế hoạch và có đánh giá. Các luật mới năm 2025 về khoa học, công nghệ và ĐMST, CĐS, trí tuệ nhân tạo, bảo vệ dữ liệu cá nhân tạo hành lang pháp lý đầy đủ hơn nhưng cũng đòi hỏi công tác truyền thông giải thích chính sách mới cho người dân, doanh nghiệp.

Đà Nẵng có hệ thống thuận lợi về ứng dụng công nghệ thông tin và chính quyền số: năm 2024 là năm thứ 14 liên tiếp thành phố dẫn đầu cả nước về chỉ số sẵn sàng ứng dụng công nghệ thông tin (Vietnam ICT Index); dẫn đầu chỉ số CĐS cấp tỉnh (DTI) bốn năm liên tiếp 2020 - 2023 và xếp thứ hai năm 2024. Chỉ số ĐMST cấp địa phương (PII) năm 2024 xếp thứ 5/63 tỉnh, thành phố. Theo StartupBlink 2026, hệ sinh thái khởi nghiệp Đà Nẵng tăng 212 bậc, từ vị trí 766 năm 2025 lên vị trí 554 toàn cầu năm 2026. Tăng trưởng GRDP năm 2025 của thành phố (phạm vi sau hợp nhất) đạt 9,18%. Năm 2026, Đà Nẵng đã vinh dự nhận giải thưởng "Cơ quan nhà nước chuyển đổi số xuất sắc" tại Lễ trao Giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam (Vietnam Digital Awards – VDA).

Thành phố đang hình thành và phát triển các Khu thương mại tự do, Trung tâm tài chính quốc tế, Không gian ĐMST với các định hướng phát triển mang tính đột phá về KHCN, ĐMST và CĐS, trong đó chú trọng các lĩnh vực công nghệ chiến lược, vi mạch bán dẫn và trí tuệ nhân tạo, công nghệ chuỗi khối, công nghệ sinh học, cùng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát theo Nghị quyết số 136/2024/QH15 và 259/2025/QH15. Đây vừa là nguồn nội dung phong phú, vừa là yêu cầu truyền thông để tạo đồng thuận xã hội và thu hút nguồn lực.

II. VAI TRÒ CỦA TRUYỀN THÔNG TRONG THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Truyền thông là một bộ phận quan trọng của hạ tầng mềm trong phát triển KHCN, ĐMST và CĐS. Truyền thông góp phần phổ biến tri thức, chính sách và kết quả nghiên cứu, ứng dụng KH&CN; kết nối nhà khoa học, doanh nghiệp, nhà đầu tư, viện, trường và người dân; đồng thời tạo kênh tiếp nhận phản hồi, thúc đẩy ứng dụng thành tựu KHCN, ĐMST và CĐS phục vụ sản xuất, đời sống, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

Đối với KHCN, truyền thông giúp chuyển hóa các nội dung chuyên môn, kết quả nghiên cứu và công nghệ thành thông tin dễ tiếp cận, qua đó tăng khả năng kết nối nghiên cứu với nhu cầu thực tiễn. Đối với ĐMST, truyền thông góp phần phát triển các dự án, mô hình, sản phẩm, doanh nghiệp khởi nghiệp, kết quả hỗ trợ và kết nối các nguồn lực về vốn, chuyên gia, công nghệ và thị trường; xây dựng văn hoá khởi nghiệp và thương hiệu "Đà Nẵng - Thành phố ĐMST". Đối với CĐS, truyền thông hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng dịch vụ, hệ thống số; nâng cao kỹ năng số và thúc đẩy tương tác hai chiều; xây dựng "xã hội số" và "công dân số" tại thành phố Đà Nẵng.

Truyền thông cần được thực hiện xuyên suốt từ xây dựng, triển khai đến đánh giá nhiệm vụ, không chỉ tập trung vào đưa tin sau khi hoạt động hoàn thành. Hiệu quả truyền thông được đánh giá không chỉ qua số lượng sản phẩm và lượt tiếp cận mà từng bước hướng đến mức độ nhận biết, hiểu đúng, thay đổi hành vi và tác động thực tế.

Vì vậy, Đề án xác định truyền thông KHCN, ĐMST và CĐS không chỉ nhằm cung cấp thông tin mà hướng đến kết nối thông tin với tri thức, nguồn lực và hành động, góp phần nâng cao nhận thức xã hội, thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng thành tựu KHCN, ĐMST và CĐS trên địa bàn thành phố.

III. ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG TRUYỀN THÔNG VỀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

1. Hệ thống chủ thể và kênh truyền thông hiện có

a) Cơ quan quản lý và cung cấp thông tin

Công tác truyền thông được tổ chức theo mô hình phân tán: từng sở, ngành quản lý nội dung thuộc lĩnh vực mình; cơ quan báo chí biên tập theo chức năng; Cổng Thông tin điện tử thành phố và trang thông tin của các sở, ngành, địa phương phổ biến thông tin chính sách và hoạt động riêng của từng lĩnh vực; UBND cấp phường/xã truyền thông đến người dân địa phương thông qua các trang tin địa phương và các hoạt động tuyên truyền cộng đồng. Mô hình này có ưu điểm là gần nguồn tin, nhưng dễ trùng lặp và chưa có dữ liệu dùng chung. Từ đó, nguồn thông tin về KHCN, ĐMST và CĐS của thành phố chưa được phổ biến một cách bao quát, tổng thể đến công chúng.

b) Báo chí và truyền thông chính thống

Thành phố Đà Nẵng là địa phương trọng điểm của khu vực miền Trung. Sau hợp nhất, trên địa bàn thành phố có 89 cơ quan báo chí hoạt động, gồm 02 cơ quan báo chí địa phương, 87 cơ quan báo chí trung ương và địa phương khác có

văn phòng đại diện, phóng viên thường trú. Báo và phát thanh, truyền hình Đà Nẵng là kênh chủ lực, có khả năng sản xuất đa loại hình (báo in, báo điện tử, phát thanh, truyền hình).

c) Cổng, trang thông tin điện tử và mạng xã hội

Cổng thông tin điện tử, trang thông tin của các cơ quan, đơn vị, trường, viện và các tổ chức hỗ trợ; các ứng dụng đô thị thông minh và trang mạng xã hội chính thức của các cơ quan là kênh công bố và tương tác quan trọng.

Tuy nhiên, nội dung được tổ chức theo đặc thù hoạt động của từng cơ quan, đơn vị, chưa đáp ứng theo nhu cầu thông tin của người dùng; dữ liệu thông tin nằm rải rác trên từng hệ thống. Do đó, hiệu quả truyền thông chưa cao và sức lan tỏa đến cộng đồng chỉ đạt ở giới hạn nhất định.

d) Thông tin cơ sở và Tổ công nghệ số cộng đồng

Đến tháng 10/2026, toàn thành phố có còn 1.454 thôn, tổ dân phố (722 thôn và 732 tổ dân phố) tương ứng với 1.454 Tổ công nghệ số cộng đồng (CNSCĐ) với hơn 11 nghìn thành viên; 93/93 xã, phường (không tính đặc khu Hoàng Sa) đã củng cố, thành lập Tổ. Mô hình 113 sinh viên tình nguyện ngành công nghệ thông tin hỗ trợ tại 46/93 xã, phường là cách làm sáng tạo, kết nối nhà trường với cộng đồng. Hệ thống truyền thanh cơ sở, hội nghị thôn, tổ dân phố và các đoàn thể vẫn là kênh không thể thay thế đối với người cao tuổi, người có kỹ năng số hạn chế và khu vực miền núi.

đ) Sự kiện và hoạt động trải nghiệm

Các ngày hội lớn về ngành KHCN,ĐMST và CĐS trong năm (Ngày Khoa học, Công nghệ và ĐMST Việt Nam 18/5, Ngày ĐMST Việt Nam 01/10, Ngày CĐS quốc gia 10/10…); các sự kiện lớn của thành phố (Tuần lễ Công nghệ và Tài chính thành phố Đà Nẵng, Ngày hội Khởi nghiệp ĐMST thành phố Đà Nẵng (SURF), Diễn đàn Đầu tư mạo hiểm và thiên thần thành phố Đà Nẵng (DAVAS), Cuộc thi Sinh viên nghiên cứu khoa học cấp thành phố; Cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật, Cuộc thi Robotics…) và nhiều hội nghị, hội thảo, diễn đàn, cuộc thi… do các cơ quan, ban ngành địa phương tổ chức đã tạo không gian gặp gỡ, kết nối giữa chính quyền, trường, viện, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người dân.

2. Đánh giá nội dung, hình thức, hiệu quả truyền thông trong các lĩnh vực KHCN, ĐMST và CĐS giai đoạn 2021-2025

a) Truyền thông KH&CN

Từ năm 2021 đến năm 2025, thành phố triển khai 105 nhiệm vụ KH&CN các cấp với tổng kinh phí 139,7 tỷ đồng; giai đoạn 2021 - 2024 hỗ trợ 149 lượt doanh nghiệp ứng dụng, đổi mới công nghệ; thành phố đứng thứ 6 cả nước về số văn bằng sở hữu trí tuệ. Đây là khối lượng kết quả lớn để xây dựng nội dung truyền thông.

Nội dung truyền thông khoa học chủ yếu là thông tin về cơ chế chính sách, hoạt động quản lý, sự kiện, giải thưởng và hợp tác. Hình thức truyền thông tương đối đa dạng, thông qua báo chí, cổng/trang thông tin điện tử, hội nghị, hội thảo và

các hệ thống số. Qua đó, góp phần cung cấp thông tin, lan tỏa kết quả nghiên cứu và nâng cao nhận thức về KHCN. Tuy nhiên, các hình thức chuyên sâu như chân dung nhà khoa học, video phòng thí nghiệm, đồ họa thông tin về kết quả nghiên cứu ứng dụng thành tựu KH&CN đã xuất hiện nhưng chưa thành chuyên mục định kỳ trên các hệ thống thông tin báo chí.

b) Truyền thông ĐMST

Truyền thông ĐMST bước đầu đã góp phần xây dựng hình ảnh Đà Nẵng là thành phố năng động, sáng tạo và có sự bứt phá mạnh mẽ của hệ sinh thái khởi nghiệp. Với sức lan tỏa từ các hoạt động hỗ trợ của chính quyền thành phố đối với cộng đồng khởi nghiệp, cùng các sự kiện khởi nghiệp ĐMST trong và ngoài nước tạo nên thương hiệu của thành phố (DAVAS, SURF) và sự phát triển của mạng lưới trung tâm hỗ trợ, vườn ươm, không gian làm việc chung, quỹ đầu tư, doanh nghiệp khởi nghiệp. Nội dung tập trung vào hệ sinh thái khởi nghiệp, các sự kiện, cuộc thi, hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp, kết nối đầu tư và những thành tựu nổi bật của hệ sinh thái ĐMST thành phố. Tuy nhiên, hoạt động truyền thông chưa phản ánh đầy đủ câu chuyện về quá trình ĐMST (phát hiện vấn đề, thử nghiệm, thất bại, thương mại hóa).

Các hình thức báo chí, mạng xã hội, sự kiện, cuộc thi và hoạt động kết nối trực tiếp được khai thác, tạo được điểm nhấn và góp phần nâng cao nhận diện hệ sinh thái ĐMST của thành phố. Chưa có các chuyên mục riêng về ĐMST trên hệ thống thông tin báo chí trung ương và địa phương, những câu chuyện khởi nghiệp có xuất hiện nhưng chưa đủ sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng. Hình thức truyền thông và kênh truyền thông trên mạng xã hội chưa được đầu tư chuyên sâu và xuyên suốt. Đặc biệt, truyền thông quốc tế còn hạn chế về nguồn lực kinh phí và chuyên môn. Nội dung và hình thức truyền tải bằng tiếng nước ngoài để phục vụ nhà đầu tư, chuyên gia quốc tế còn ít, chủ yếu là bản dịch một số tin tức, bài viết về sự kiện.

c) Truyền thông CĐS

CĐS là lĩnh vực đã có nhiều chương trình truyền thông qua việc thực hiện Đề án truyền thông CĐS giai đoạn 2022 - 2025. Đến tháng 7/2024 (phạm vi Đà Nẵng trước hợp nhất), 97% TTHC được cung cấp dưới dạng dịch vụ công trực tuyến toàn trình và tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đạt 90%. Nội dung truyền thông tập trung vào chính quyền số, dịch vụ công trực tuyến, hệ thống số, kỹ năng số, an toàn thông tin và hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ số. Đề án xác định nhiều nhóm nội dung và ưu tiên tài liệu ngắn gọn, gần gũi, truyền thông trực tiếp tại cộng đồng.

Hình thức truyền thông đa dạng, kết hợp tin, bài, đồ họa thông tin, video hướng dẫn, tập huấn, giải báo chí, sự kiện, truyền thanh và hỗ trợ trực tiếp tại cộng đồng. Điểm nổi bật là truyền thông được gắn với hướng dẫn và hỗ trợ trực tiếp, góp phần thúc đẩy người dân tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số. Tuy nhiên, hướng dẫn dễ lỗi thời khi giao diện thay đổi; nếu không có quản trị phiên bản, nội dung cũ gây nhầm lẫn. Mỗi tài liệu cần ngày cập nhật, phiên bản dịch vụ, QR/đường dẫn chuẩn và đầu mối hỗ trợ.

d) Đánh giá chung

Sở Khoa học và Công nghệ là nơi trực tiếp triển khai các nhiệm vụ về KHCN, ĐMST và CĐS, đồng thời tạo ra nguồn thông tin, dữ liệu, kết quả, sản phẩm và các hoạt động có giá trị để phục vụ công tác truyền thông. Tuy nhiên, hiện nay phần lớn các phòng, đơn vị chưa có nhân sự chuyên trách về truyền thông; công tác thông tin, tuyên truyền các lĩnh vực do ngành quản lý chủ yếu thực hiện lồng ghép trong các nhiệm vụ chuyên môn của các đơn vị trực thuộc, nhân sự chủ yếu là kiêm nhiệm.

Hoạt động truyền thông tại các đơn vị hiện được triển khai với nhiều hình thức và mức độ khác nhau, chủ yếu thông qua việc cung cấp thông tin phục vụ tin, bài trên Cổng thông tin điện tử của Sở, Trang/Cổng thông tin điện tử của các đơn vị, các hệ thống mạng xã hội và thông qua các sự kiện, hội nghị, hội thảo, tập huấn chuyên môn. Một số đơn vị đã bước đầu hình thành lực lượng và kênh truyền thông tương đối rõ nét. Hằng năm, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành các kế hoạch truyền thông và giao nhiệm vụ cho Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Đà Nẵng thực hiện, có nhân sự phụ trách công tác truyền thông và vận hành các kênh thông tin.

Trung tâm Thông tin và giám sát, điều hành thông minh Đà Nẵng thực hiện truyền thông gắn với chức năng thông tin, điều hành đô thị thông minh và tương tác với người dân, tổ chức, doanh nghiệp, trong đó Cổng Thông tin dịch vụ công thành phố Đà Nẵng (1022), Tổng đài 1022 là kênh tiếp nhận, cung cấp và truyền tải thông tin quan trọng. Bên cạnh đó, Trung tâm triển khai thông tin trên các hệ thống số, mạng xã hội và các kênh phục vụ hướng dẫn người dân tiếp cận dịch vụ, tiện ích số, thông tin cảnh báo và các nội dung liên quan đến đời sống đô thị.

Nhìn chung, Sở Khoa học và Công nghệ đã hình thành mô hình đầu mối truyền thông tập trung, với Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo là đơn vị thực hiện truyền thông chung của toàn ngành, đồng thời có các kênh thông tin chuyên biệt tại một số đơn vị. Tuy nhiên, cơ chế phối hợp giữa đầu mối truyền thông và các đơn vị cung cấp thông tin cần tiếp tục được chuẩn hóa, nhất là về đầu mối, quy trình cung cấp thông tin, thời gian phản hồi, hình ảnh, tư liệu và trách nhiệm cập nhật. Nguồn lực truyền thông về nhân lực, cơ sở vật chất kỹ thuật và kinh phí còn hạn chế nên hiệu quả đạt được chưa cao, đặc biệt là truyền thông quốc tế chưa được đẩy mạnh và chưa đáp ứng kỳ vọng đặt ra với mục tiêu xây dựng hình ảnh thành phố Đà Nẵng là một trung tâm KHCN, ĐMST và CĐS.

Ngoài ra, hệ thống truyền thông của thành phố có năng lực tạo ra nhiều sản phẩm và các điểm nhấn sự kiện. Hằng năm, các kênh truyền thông chính thống của thành phố đã thực hiện nhiều chuyên mục tuyên truyền lĩnh vực KHCN, ĐMST và CĐS với trung bình từ 02 đến 04 sản phẩm/tháng/chuyên mục. Tuy nhiên, số lượng này còn hạn chế và chưa đánh giá được mức độ tác động đến từng nhóm đối tượng. Mức độ đáp ứng nhu cầu thông tin theo nhóm như sau:

Nhóm đối tượng	Nhu cầu ưu tiên	Khoảng trống giai đoạn 2021 - 2025
Cán bộ, công chức	Hiểu chính sách, quy trình, dữ liệu, sử dụng AI an toàn	Nội dung nội bộ chưa thống nhất; chưa đánh giá năng lực trước - sau bồi dưỡng
Nhà khoa học	Công bố, chuyển giao, kết nối doanh nghiệp, bảo hộ sở hữu trí tuệ	Thiếu hỗ trợ kỹ năng truyền thông khoa học và danh mục chuyên gia
Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh	Giải pháp, chính sách hỗ trợ, chi phí, thị trường	Thông tin phân tán; ít câu chuyện điển hình có số liệu; thiếu tư vấn theo ngành
Thanh niên, học sinh, sinh viên	Kỹ năng, nghề nghiệp, sáng tạo, AI	Nhiều sự kiện nhưng thiếu chương trình liên tục từ học tập đến dự án, việc làm
Người dân đô thị	Dịch vụ tiện lợi, an toàn, phản hồi nhanh	Chưa đo được mức độ tự thực hiện dịch vụ số không cần hỗ trợ
Nông thôn, miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số	Nội dung gần gũi, ngoại tuyến, hỗ trợ trực tiếp	Số liệu trước hợp nhất chưa đại diện; cần bản địa hóa và khảo sát mới
Người cao tuổi, người khuyết tật	Hình thức dễ tiếp cận, hỗ trợ tin cậy	Chưa có yêu cầu, chưa đo lường khả năng tiếp cận của sản phẩm
Đối tác quốc tế	Số liệu, cơ hội, đầu mối, tiếng Anh	Nội dung dịch rời rạc; thiếu bộ tài liệu báo chí chuyên nghiệp

IV. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

Một là, chưa có đầu mối và khung điều phối chung. Mỗi đơn vị xây dựng nội dung, kênh theo nhiệm vụ riêng; chưa có lịch biên tập, bộ thông điệp và kho tư liệu chung cho ba lĩnh vực.

Hai là, nội dung thiên về hoạt động và thành tích. Nội dung giải thích, hướng dẫn, trả lời câu hỏi của người dân, nêu rõ lợi ích, rủi ro, giới hạn và bước hành động tiếp theo còn ít.

Ba là, truyền thông khoa học cần tiếp tục được tăng cường. Việc chuyển hóa kết quả nghiên cứu thành nội dung dễ hiểu, phát triển các hình thức truyền thông khoa học chuyên sâu và tăng cường kết nối giữa nhà khoa học với cơ quan báo chí cần được chú trọng hơn.

Bốn là, đo lường chủ yếu theo số lượng sản phẩm. Chưa có dữ liệu nền về mức độ hiểu biết, niềm tin và hành vi của người dân, doanh nghiệp; chưa đánh giá được hoạt động nào hiệu quả nhất.

Năm là, tiếp cận chưa đồng đều. Không gian thành phố mới làm tăng chênh lệch giữa đô thị với nông thôn, miền núi, đặc khu; sản phẩm dành cho người cao tuổi, người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số còn ít.

Sáu là, truyền thông quốc tế cần được tăng cường để phù hợp với định hướng trung tâm KHCN, ĐMST và CĐS; thiếu bộ tài liệu tiếng Anh có số liệu, đầu mối báo chí quốc tế.

Bảy là, quản lý rủi ro thông tin chưa theo kịp sự phát triển của trí tuệ nhân tạo tạo sinh, lừa đảo trực tuyến và tin giả sâu; chưa có quy trình phản ứng nhanh thống nhất.

2. Nguyên nhân

Nhóm nguyên nhân	Nguyên nhân chủ yếu	Hệ quả
Cơ chế	Chưa có quy chế phối hợp, quy định thời hạn cung cấp, kiểm chứng thông tin giữa các đơn vị.	Trùng lặp, chậm xác minh, thông điệp không thống nhất.
Tổ chức	Tại một số đơn vị có phân bổ nguồn lực cho công tác truyền thông, nhưng chưa được tổ chức triển khai đồng bộ, chưa đáp ứng nhu cầu thực tế.	Các sản phẩm truyền thông chỉ đáp ứng nhu cầu nội bộ ngành, sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng còn hạn chế.
Nhân lực	Nhân sự phụ trách công tác truyền thông còn mỏng, chủ yếu kiêm nhiệm; Thiếu kỹ năng truyền thông khoa học, trình bày dữ liệu, sử dụng AI, ngoại ngữ…	Nội dung khó hiểu, ít sản phẩm chuyên sâu, quốc tế
Tư liệu	Chưa có kho tư liệu dùng chung, chưa có dữ liệu nền để so sánh	Khó tìm kiếm, tái sử dụng và đánh giá hiệu quả
Kinh phí	Kinh phí truyền thông phân tán theo từng đề án, cấp theo năm, theo đợt và nguồn kinh phí còn hạn chế.	Khó duy trì chuyên mục, tuyến nội dung dài hạn
Công nghệ	Công cụ phân tích và theo dõi dư luận phân tán	Phản ứng chậm với thông tin sai lệch
Địa bàn	Không gian mới đa dạng về hạ tầng, kỹ năng, ngôn ngữ	Một sản phẩm chung không phù hợp mọi nhóm

V. KINH NGHIỆM VÀ BÀI HỌC ÁP DỤNG CHO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Nghiên cứu kinh nghiệm của Singapore, Hàn Quốc, Vương quốc Anh, Estonia, Barcelona, Helsinki và các địa phương trong nước (Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Huế, Quảng Ninh) cho thấy một số bài học có thể vận dụng cho thành phố Đà Nẵng cụ thể như sau:

Mô hình	Nội dung chính	Bài học vận dụng cho Đà Nẵng
Singapore	Đồng thiết kế dịch vụ số với người dân; công bố minh bạch hiệu quả vận hành	Kiểm thử thông điệp, sản phẩm với người dùng trước khi phát hành
Hàn Quốc	Thể chế hóa văn hóa khoa học; lực lượng trung gian tri thức; khoa học đại chúng quanh năm	Mạng lưới cộng tác viên khoa học; chương trình "Khoa học bên sông Hàn"
Vương quốc Anh	Trung tâm kết nối chuyên gia với báo chí, phản ứng nhanh khi có vấn đề khoa học nóng	Danh mục chuyên gia; cơ chế trả lời báo chí nhanh
Estonia	Câu chuyện quốc gia số nhất quán; ngoại giao tri thức	Bộ tài liệu đa ngữ có số liệu; thương hiệu quốc tế thống nhất
Barcelona (Tây Ban Nha)	Hệ thống tham gia của công dân, theo dõi được ý kiến đã xử lý đến đâu	Kênh phản hồi có cập nhật trạng thái
Helsinki (Phần Lan)	Bao trùm số; công khai danh mục hệ thống AI của thành phố	Minh bạch việc sử dụng AI; hỗ trợ nhóm yếu thế
Thành phố Hồ Chí Minh	Tuần lễ ĐMST như hệ thống kết nối hệ sinh thái	Truyền thông trọn vòng DAVAS, SURF, Techfest
Hà Nội (iHanoi)	Truyền thông gắn với hệ thống tương tác công dân	Kết nối nội dung với dịch vụ và kênh phản ánh
Huế (Hue-S)	Phản ánh hiện trường, xây dựng niềm tin từ phản hồi nhanh	Phản hồi kịp thời là một dạng truyền thông hiệu quả
Quảng Ninh	Mạng lưới cộng đồng phổ cập kỹ năng số đến hộ gia đình	Phát huy Tổ CNSCĐ, "Đại sứ số"

Tóm lại, để công tác truyền thông về KHCN, ĐMST và CĐS của thành phố Đà Nẵng đạt hiệu quả tích cực trong thời gian tới, cần chú trọng các vấn đề sau:

- Truyền thông về KHCN, ĐMST và CĐS phải được thiết kế cùng với các chương trình, dự án ngay từ đầu, có kinh phí và chỉ tiêu riêng.

- Kết nối thông tin với hành động: nội dung phải chỉ rõ bước tiếp theo, đầu mối, dịch vụ hoặc cơ hội tham gia.

- Phát triển mạng lưới trung gian (nhà báo khoa học, cộng tác viên, Tổ CNSCĐ, giáo viên, sinh viên) để đưa tri thức đến cơ sở.

- Khoa học đại chúng phải diễn ra quanh năm, không chỉ tập trung vào lễ hội, sự kiện.

- Đo lường cả mức độ hiểu, tin và hành động, không chỉ lượt xem; thí điểm trước, nhân rộng sau.

PHẦN II
QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU NÂNG CAO HIỆU QUẢ TRUYỀN THÔNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 2026 – 2030

I. QUAN ĐIỂM

1. Truyền thông KHCN, ĐMST và CĐS là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị của thành phố, trong đó Sở Khoa học và Công nghệ giữ vai trò nòng cốt.

2. Truyền thông là một bộ phận của công tác chỉ đạo, điều hành phát triển KHCN, ĐMST và CĐS; được thiết kế ngay từ khi xây dựng chương trình, dự án và gắn với mục tiêu chính sách.

3. Lấy người dân, doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu khoa học và công nghệ (KH&CN), nhà khoa học làm trung tâm; nội dung phải trả lời được câu hỏi "điều này có ích gì với tôi và tôi cần làm gì".

4. Một nguồn thông tin chính thức, nhiều hình thức thể hiện và phương tiện truyền thông; mọi số liệu trọng điểm có nguồn, thời điểm, phạm vi và đơn vị chịu trách nhiệm.

5. Thống nhất định hướng ở cấp thành phố, linh hoạt khi triển khai tại từng địa bàn; kết hợp truyền thông số với truyền thông trực tiếp, báo chí, thông tin cơ sở.

6. Bảo đảm mọi người dân đều có thể tiếp cận, không để điều kiện địa lý, tuổi tác, khuyết tật, ngôn ngữ hay thiết bị trở thành rào cản.

7. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm; con người chịu trách nhiệm cuối cùng về tính chính xác, dữ liệu cá nhân và bản quyền.

8. Nhà nước dẫn dắt, điều phối; báo chí, trường, viện, doanh nghiệp, hiệp hội và cộng đồng cùng tham gia sản xuất, phản biện và lan tỏa.

Thông điệp truyền thông: **"TRI THỨC MỞ ĐƯỜNG - ĐỔI MỚI TẠO GIÁ TRỊ - SỐ HÓA PHỤC VỤ CON NGƯỜI"**.

Quan điểm truyền thông gắn liền với Thông điệp được giữ ổn định trong cả giai đoạn và chuyển thể theo từng lĩnh vực:

KH&CN - **"Tri thức mở đường"**: kết quả nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào đời sống, giải quyết các "bài toán" của thành phố.

ĐMST - **"Đổi mới tạo giá trị"**: mỗi ý tưởng được thử nghiệm, mỗi doanh nghiệp đổi mới đều có cơ hội phát triển tại Đà Nẵng.

CĐS - **"Số hóa phục vụ con người"**: công nghệ số giúp cuộc sống thuận tiện, an toàn hơn và không để ai bị bỏ lại phía sau.

II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Đến năm 2030, xây dựng và vận hành hiệu quả hệ sinh thái truyền thông KHCN, ĐMST và CĐS thành phố Đà Nẵng theo hướng chuyên nghiệp, thống

nhất, dựa trên dữ liệu, đa hệ thống, đa ngôn ngữ, có khả năng tiếp cận và an toàn; nâng cao nhận thức và niềm tin, thúc đẩy ứng dụng công nghệ, ĐMST, sử dụng dịch vụ số an toàn và tham gia quản trị; đồng thời quảng bá năng lực, cơ hội và bản sắc đổi mới của Đà Nẵng trong nước và quốc tế.

III. MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030

Đến năm 2030, công tác truyền thông KHCN, ĐMST và CĐS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng phấn đấu đạt được các mục tiêu cụ thể sau:

1. Xây dựng và vận hành thống nhất hệ thống truyền thông về KHCN, ĐMST và CĐS của thành phố; 100% sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan tham gia phối hợp, chia sẻ và cung cấp thông tin phục vụ công tác truyền thông theo cơ chế thống nhất của thành phố.

2. Duy trì và phát triển hệ thống nội dung truyền thông đa hệ thống; hằng năm xây dựng và phát hành tối thiểu: 500 tin, bài, phóng sự, chuyên mục trên các cơ quan báo chí và hệ thống truyền thông số; 500 sản phẩm truyền thông số (video clip, infographic, podcast, sản phẩm đa phương tiện khác).

3. Xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống truyền thông số tích hợp về KHCN, ĐMST và CĐS của thành phố; bảo đảm 100% thông tin, dữ liệu truyền thông chuyên ngành được cập nhật, chia sẻ và khai thác trên môi trường số.

4. Đến năm 2030, đạt tối thiểu 5 triệu lượt tiếp cận/năm trên các hệ thống truyền thông số của ngành KH&CN.

5. Tổ chức hoặc phối hợp tổ chức truyền thông cho 100% các sự kiện lớn về KHCN, ĐMST và CĐS của thành phố; bảo đảm các sự kiện trọng điểm được truyền thông rộng rãi trên báo chí trung ương, địa phương và các hệ thống số.

6. Tổ chức tối thiểu 01 chương trình đào tạo, tập huấn chuyên sâu mỗi năm cho đội ngũ làm công tác truyền thông; đến năm 2030 có ít nhất 80% cán bộ phụ trách truyền thông tại các cơ quan, đơn vị liên quan được bồi dưỡng chuyên sâu kỹ năng truyền thông số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong truyền thông.

7. Xây dựng và phát triển mạng lưới cộng tác viên truyền thông KHCN, ĐMST và CĐS với tối thiểu 100 thành viên tham gia từ các cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và cơ quan báo chí.

8. Mở rộng hợp tác truyền thông quốc tế: tuyên truyền tối thiểu 02 ngôn ngữ nước ngoài; hằng năm có tối thiểu 10 hoạt động truyền thông, quảng bá hình ảnh Đà Nẵng trên các diễn đàn, sự kiện, hệ thống hoặc kênh truyền thông quốc tế.

IV. YÊU CẦU CỦA ĐỀ ÁN

1. Bảo đảm phù hợp với chủ trương, định hướng và quy định của Trung ương, thành phố

Đề án phải bám sát các chủ trương, nghị quyết, chương trình, kế hoạch và quy định của Trung ương, Thành ủy, HĐND và UBND thành phố về phát triển KHCN, ĐMST và CĐS và truyền thông; đồng thời bảo đảm thống nhất với các đề án, chương trình, kế hoạch đang triển khai trên địa bàn thành phố.

2. Bảo đảm tính tổng thể, thống nhất và có tính điều phối

Đề án phải hình thành khung định hướng chung cho truyền thông KHCN, ĐMST và CĐS trên toàn thành phố; xác định rõ đầu mối, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và cơ chế phối hợp, chia sẻ dữ liệu, tư liệu, thông điệp và nguồn lực; hạn chế trùng lặp, phân tán trong tổ chức thực hiện.

3. Bảo đảm tính thực tiễn, khả thi và phù hợp với không gian phát triển mới của thành phố

Nhiệm vụ, giải pháp phải phù hợp với đặc điểm của từng khu vực, từng nhóm đối tượng và điều kiện nguồn lực của thành phố; bảo đảm khả năng triển khai tại khu vực đô thị, nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các địa bàn có điều kiện tiếp cận thông tin khác nhau.

4. Bảo đảm truyền thông hướng đến cộng đồng trong nước và quốc tế

Nội dung truyền thông phải dễ hiểu, chính xác, có nguồn thông tin rõ ràng, gắn với nhu cầu thực tiễn và trả lời được vấn đề người tiếp nhận cần biết, cần làm; từng bước chuyển từ truyền thông chủ yếu về hoạt động sang truyền thông về chính sách, tri thức, lợi ích, kết quả, tác động đến đông đảo cộng đồng doanh nghiệp, nhà nghiên cứu, nhà đầu tư, người dân trong nước và quốc tế.

5. Bảo đảm đa hệ thống, đa hình thức và khả năng tiếp cận

Kết hợp hiệu quả các kênh báo chí, cổng/trang thông tin điện tử, mạng xã hội, hệ thống số, truyền thông trực tiếp, thông tin cơ sở và các hoạt động trải nghiệm, bảo đảm người dân có thể tiếp cận thông tin phù hợp với điều kiện về địa lý, tuổi tác, khả năng, ngôn ngữ và thiết bị.

6. Bảo đảm tính chính xác, minh bạch và khả năng kiểm chứng

Các thông tin, số liệu, kết quả nghiên cứu và nội dung chuyên môn được sử dụng trong truyền thông phải có nguồn, phạm vi, thời điểm và đơn vị chịu trách nhiệm; bảo đảm thống nhất giữa các kênh và có khả năng kiểm chứng.

7. Bảo đảm có hệ thống dữ liệu và đo lường hiệu quả

Đề án phải xây dựng được dữ liệu nền, phương pháp đo lường và cơ chế theo dõi định kỳ; từng bước đánh giá hiệu quả truyền thông không chỉ bằng số lượng sản phẩm, lượt tiếp cận mà còn bằng mức độ nhận biết, hiểu biết, niềm tin, thay đổi hành vi và tác động thực tế.

8. Bảo đảm chủ động quản trị rủi ro thông tin

Công tác truyền thông phải gắn với theo dõi, phát hiện và xử lý thông tin sai lệch, tin giả, lừa đảo trực tuyến và các rủi ro phát sinh trong môi trường số; đồng thời bảo đảm yêu cầu về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bản quyền và an toàn thông tin.

9. Bảo đảm tính bền vững và khả năng duy trì sau năm 2030

Các cơ chế, quy trình, dữ liệu, kho tư liệu, mạng lưới cộng tác viên, năng lực nhân sự và các kênh truyền thông được hình thành trong quá trình thực hiện Đề án phải có khả năng duy trì, cập nhật và khai thác lâu dài; ưu tiên các giải pháp có khả năng tích hợp với các chương trình, đề án và hệ thống hiện có.

V. NGUYÊN TẮC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Thống nhất định hướng, phân công rõ trách nhiệm

Bảo đảm thống nhất về định hướng, thông điệp, và phương thức phối hợp trên toàn thành phố; đồng thời phân định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và đơn vị cung cấp thông tin trong từng nhiệm vụ.

2. Nguồn thông tin chính xác, đa dạng hình thức và kênh truyền tải

Thông tin phải được xác lập từ nguồn chính thức, có cơ quan chịu trách nhiệm và được kiểm chứng trước khi phát hành; trên cơ sở đó có thể chuyển hóa thành nhiều hình thức, định dạng và phân phối trên các kênh khác nhau phù hợp với từng nhóm đối tượng.

3. Truyền thông gắn với chương trình, nhiệm vụ và hành động

Kế hoạch truyền thông được xây dựng và triển khai gắn liền với nội dung cụ thể của các chương trình, đề án, nhiệm vụ về KHCN, ĐMST và CĐS do Trung ương và địa phương ban hành; Hoạt động truyền thông được thực hiện xuyên suốt theo từng năm trong giai đoạn từ 2026-2030.

4. Bao trùm và phù hợp với nhiều nhóm đối tượng, lan tỏa rộng rãi trong nước và quốc tế

Bảo đảm mọi người dân có cơ hội tiếp cận thông tin KHCN, ĐMST và CĐS; nội dung, ngôn ngữ, hình thức và kênh truyền thông được điều chỉnh phù hợp với đặc điểm của nhiều nhóm đối tượng. Nguồn thông tin được truyền tải có sức lan tỏa trong nước và quốc tế

5. Phối hợp đa chủ thể, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực

Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, định hướng và điều phối; các cơ quan báo chí, trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp, hiệp hội, chuyên gia, cộng đồng và các tổ chức liên quan cùng tham gia cung cấp, sản xuất, phản biện và lan tỏa thông tin. Ưu tiên kết nối, dùng chung dữ liệu, tư liệu, hạ tầng và nguồn lực để hạn chế trùng lặp, phân tán.

PHẦN III
NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRUYỀN THÔNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

I. NHIỆM VỤ TRUYỀN THÔNG

1. Xây dựng và vận hành hệ thống quản lý tư liệu truyền thông KHCN, ĐMST và CĐS.

Xây dựng hệ thống quản lý tư liệu truyền thông ngành KHCN, ĐMST và CĐS (hình ảnh, video, đồ họa và các tư liệu khác) dùng chung có quản lý quyền sử dụng; số hóa tư liệu hiện có của các đơn vị; Đầu tư trang thiết bị phục vụ phục vụ công tác truyền thông.

Xây dựng và phát triển hệ thống truyền thông mạng xã hội đảm bảo tính liên kết giữa các trang thông tin (website, landing page, Mạng xã hội X, Facebook, Instagram, Tiktok, Linkedin…) truyền thông cho các lĩnh vực.

2. Tổ chức sản xuất nội dung liên ngành và chương trình nội dung thường niên trong các lĩnh vực

a) Truyền thông lĩnh vực KH&CN

Truyền thông các chủ trương, chính sách KH&CN; Các thành tựu nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực công nghệ nghệ chiến lược, công nghệ sinh học, an toàn bức xạ hạt nhân, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; các mô hình, sản phẩm KH&CN tiêu biểu...

Truyền thông các sự kiện, ngày hội, ngày kỷ niệm về KH&CN cấp thành phố/cấp cơ sở.

Sản xuất các sản phẩm truyền thông số (video clip, podcast…) về câu chuyện nhà khoa học tiêu biểu, sản phẩm nghiên cứu, kết quả ứng dụng KH&CN, phòng thí nghiệm…

Xuất bản các sản phẩm truyền thông trực quan: ấn phẩm, kỷ yếu, brochure, standee, phướn, băng rôn, đồ họa thông tin,… về thông tin chính sách, sự kiện, hoạt động, thành tựu KH&CN của thành phố.

Tổ chức các hoạt động hội nghị, hội thảo, tập huấn tuyên truyền, phổ biến về cơ chế, chính sách, hoạt động về KH&CN; các chương trình trải nghiệm trực tiếp, phòng thí nghiệm mở, trình diễn công nghệ tại không gian công cộng, gắn với các lễ hội của thành phố.

b) Truyền thông lĩnh vực ĐMST, khởi nghiệp sáng tạo và phát triển thương hiệu "Đà Nẵng - Thành phố ĐMST"

Truyền thông các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo; các tổ chức hỗ trợ, cơ sở ươm tạo, không gian làm việc chung, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư, chuyên gia, cố vấn và các mạng lưới ĐMST.

Xây dựng và phát triển thương hiệu "Đà Nẵng - Thành phố ĐMST".

Truyền thông các sự kiện, ngày hội, ngày kỷ niệm về ĐMST cấp quốc gia, cấp thành phố và cấp địa phương, đơn vị.

Sản xuất các sản phẩm truyền thông số (video clip, podcast, video AI, video trailer, video teaser, đối thoại trực tuyến,…) về các mô hình, dự án, doanh nghiệp và câu chuyện khởi nghiệp tiêu biểu.

Xuất bản các sản phẩm truyền thông trực quan (ấn phẩm, kỷ yếu, brochure, standee, phướn, băng rôn, đồ họa thông tin…) về cơ chế, chính sách, sự kiện, hoạt động ĐMST, khởi nghiệp sáng tạo của thành phố.

Xây dựng các nội dung, tài liệu truyền thông về ĐMST, khởi nghiệp sáng tạo trong học sinh, sinh viên, thanh niên trên địa bàn thành phố.

Tổ chức các hoạt động hội nghị, hội thảo, tập huấn tuyên truyền, phổ biến về cơ chế, chính sách, hoạt động ĐMST và khởi nghiệp sáng tạo.

c) Truyền thông lĩnh vực CĐS, nâng cao hiểu biết và kỹ năng số an toàn cho người dân

Truyền thông các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, kế hoạch về CĐS của thành phố; giới thiệu các hệ thống số, hạ tầng số, dịch vụ số, mô hình chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh.

Triển khai Phong trào "Bình dân học vụ số" gắn với "Học tập số" trên địa bàn thành phố (quản lý, vận hành Nền tảng Bình dân học vụ số quốc gia).

Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn về xây dựng và phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; Tập huấn nghiệp vụ cho Tổ CNSCĐ và Đề án 06.

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về CĐS, an toàn thông tin thông qua hình thức cuộc thi, hội thi phát sóng trên đài truyền hình địa phương.

Sản xuất các sản phẩm truyền thông số (video clip, podcast…) về CĐS và thủ tục hành chính hướng dẫn cho người dân.

Xuất bản các sản phẩm truyền thông trực quan (ấn phẩm, kỷ yếu, brochure, standee, phướn, băng rôn, đồ họa thông tin…) về cơ chế, chính sách, sự kiện, hoạt động CĐS của thành phố.

Tổ chức sự kiện, chương trình tuyên tuyền, phổ biến, tập huấn nhằm nâng cao kỹ năng về CĐS cho người dân, doanh nghiệp, thanh thiếu niên, học sinh.

3. Truyền thông về KHCN, ĐMST và CĐS gắn với các chuyên đề phù hợp từng ngành, lĩnh vực và đối tượng cụ thể

a) Truyền thông về KHCN, ĐMST và CĐS tại doanh nghiệp, nhà máy, cơ sở sản xuất

Tổ chức các hoạt động truyền thông, hướng dẫn, tập huấn và đối thoại chính sách hướng đến đối tượng tại các doanh nghiệp, nhà máy, cơ sở sản xuất trên địa bàn thành phố nhằm thúc đẩy phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động, tăng cường ứng dụng chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả quản lý vận hành và sản xuất kinh doanh.

b) Truyền thông KHCN, ĐMST và CĐS qua kênh của Nhà sáng tạo nội dung có ảnh hưởng trên mạng xã hội

Xây dựng nội dung số và thực hiện quảng bá về KHCN, ĐMST và CĐS trên mạng xã hội thông qua các kênh của Nhà sáng tạo nội dung có ảnh hưởng.

c) Phổ biến, giải thích chính sách, pháp luật mới về KHCN, ĐMST và CĐS theo chuyên đề

Phổ biến, giải thích chính sách, pháp luật mới về KHCN, ĐMST và CĐS theo chuyên đề dưới dạng sản phẩm hướng dẫn tuân thủ cho doanh nghiệp, tổ chức khởi nghiệp và người dân; lồng ghép với kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm và kết nối với Cổng Pháp luật quốc gia.

d) Truyền thông về KHCN, ĐMST và CĐS tại các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể

Xây dựng các nội dung truyền thông về KHCN, ĐMST và CĐS lồng ghép các nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể…

đ) Truyền thông về KHCN, ĐMST và CĐS tại xã phường, đặc khu

Xây dựng các nội dung truyền thông về KHCN, ĐMST và CĐS lồng ghép các nhiệm vụ của các xã phường, đặc khu.

e) Truyền thông KHCN, ĐMST và CĐS tại tổ chức nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, trung tâm đổi mới sáng tạo và mô hình địa phương

Xây dựng mô hình, điển hình truyền thông phù hợp với điều kiện địa phương và tổ chức nhân rộng.

4. Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực truyền thông

Tổ chức/tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực truyền thông, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, đào tạo gắn với sản phẩm thực tế.

5. Xây dựng và phát triển mạng lưới cộng tác viên truyền thông

Xây dựng và phát triển mạng lưới chuyên gia truyền thông, cộng tác viên nòng cốt theo lĩnh vực, địa bàn.

Tổ chức Giải báo chí chuyên đề về KHCN, ĐMST và CĐS trên địa bàn thành phố.

6. Triển khai các hoạt động truyền thông quốc tế

Mở rộng hợp tác với các đối tác truyền thông quốc tế; truyền thông gắn với các sự kiện, chương trình kết nối mạng lưới chuyên gia quốc tế: Tổ chức/tham gia các sự kiện, các chương trình kết nối quốc tế về KHCN, ĐMST và CĐS, nhằm xây dựng hiện diện của thành phố Đà Nẵng trên các hệ thống truyền thông quốc tế, tăng cường cơ hội hợp tác nghiên cứu và đẩy mạnh công tác truyền thông, phát triển nguồn nhân lực, xúc tiến đầu tư.

Xây dựng bộ tài liệu đa ngữ (hồ sơ về cơ chế chính sách và hoạt động KHCN, ĐMST và CĐS của thành phố, sách dữ liệu, bộ tài liệu báo chí, video quảng bá..)

bằng tiếng Anh và tối thiểu 01 ngoại ngữ khác (từ năm 2028) theo thị trường ưu tiên.

Truyền thông về KHCN, ĐMST và CĐS trên hệ thống thông tin, truyền thông quốc tế.

7. Khảo sát, đánh giá, khen thưởng

Thực hiện khảo sát, đánh giá, kết quả truyền thông khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thông qua bộ tiêu chí đánh giá của Bộ Khoa học và Công nghệ theo Quyết định số 2451/QĐ-BKHCN; tuyên dương khen thưởng kịp thời tổ chức, cá nhân có thành tích xuất .

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về cơ chế, chính sách và điều phối

Ban hành quy chế phối hợp, xác định rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì, phối hợp và đơn vị tham gia; quy trình cung cấp, chia sẻ, kiểm chứng và sử dụng thông tin.

Các cơ quan, ban ngành địa phương xây dựng nhiệm vụ truyền thông gắn với các chương trình, đề án, nhiệm vụ KHCN, ĐMST và CĐS hằng năm.

Quản lý, điều hành theo mục tiêu và kết quả, gắn với hệ thống chỉ tiêu; phân công cụ thể trong kế hoạch hằng năm.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

Xây dựng khung năng lực và chương trình bồi dưỡng theo vị trí; ưu tiên hình thức đào tạo gắn với sản phẩm thực tế.

Phát triển mạng lưới cộng tác viên truyền thông là các chuyên gia, nhà khoa học, nhà báo, giáo viên, cán bộ cơ sở, sinh viên; ghi nhận, khen thưởng các cá nhân, tập thể tiêu biểu.

Bố trí cán bộ đầu mối truyền thông ổn định và đáp ứng khối lượng nhiệm vụ tại mỗi cơ quan, đơn vị.

3. Giải pháp về dữ liệu, công nghệ, nội dung và phương thức truyền thông

Chuẩn hóa danh mục, thông tin mô tả, nguồn, thời điểm cập nhật, quyền sử dụng và đơn vị chịu trách nhiệm đối với dữ liệu, tư liệu dùng cho truyền thông; nội dung trọng điểm phải dựa trên dữ liệu có thể kiểm chứng.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các công nghệ mới để phát triển các hệ thống truyền thông số; bảo đảm khả năng lưu trữ, khai thác, chia sẻ và an toàn dữ liệu truyền thông.

Kết hợp sản phẩm báo chí, đồ họa thông tin, video, podcast, nội dung tương tác, hoạt động trải nghiệm, hỏi đáp; sự kiện trọng điểm được truyền thông theo chuỗi trước - trong - sau.

Phát huy hệ thống thông tin cơ sở, Tổ CNSCĐ, trường học, thư viện, đoàn thể; Thiết kế nội dung truyền thông phù hợp nhiều nhóm đối tượng tiếp nhận, đặc

biệt là các khu vực nông thôn, miền núi, ven biển, đặc khu và nhóm yếu thế; Đẩy mạnh và phát triển các kênh truyền thông số song song với các phương thức truyền thông trực tiếp.

4. Giải pháp về hợp tác và liên kết

Tăng cường hợp tác với cơ quan báo chí, trường, viện, doanh nghiệp, hiệp hội, tổ chức xã hội và đối tác trong và ngoài nước để đồng sản xuất nội dung, chia sẻ tư liệu; ưu tiên hợp tác dài hạn tạo ra tài sản dùng chung. Hợp tác bảo đảm công khai, minh bạch, kiểm soát xung đột lợi ích, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và dữ liệu.

5. Giải pháp về tài chính và huy động nguồn lực

Bố trí kinh phí từ ngân sách thành phố hằng năm theo danh mục nhiệm vụ; đặt hàng sản phẩm truyền thông theo chất lượng và kết quả, không chỉ theo số lượng.

Huy động nguồn lực xã hội hoá để phát triển công tác truyền thông KHCN, ĐMST và CĐS.

6. Giải pháp về truyền thông quốc tế

Xây dựng hệ thống thông tin, số liệu, hình ảnh, câu chuyện truyền thông có nguồn rõ ràng, cập nhật thống nhất; gắn truyền thông quốc tế với xúc tiến đầu tư, hợp tác, thu hút chuyên gia; phát huy vai trò của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, các cơ quan đại diện và đối tác quốc tế.

7. Giải pháp về giám sát, đánh giá

Thực hiện khảo sát, đánh giá kết quả truyền thông khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thông qua bộ tiêu chí đánh giá của Bộ Khoa học và Công nghệ theo Quyết định số 2541/QĐ-BKHCN ngày 22/5/2026 để rà soát, hoàn thiện kế hoạch, cách thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ truyền thông phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tiễn của cơ quan, địa phương.

8. Giải pháp bảo đảm an toàn thông tin và ứng phó khủng hoảng

Tích hợp yêu cầu an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, sở hữu trí tuệ, đạo đức và quản lý việc sử dụng AI trong toàn bộ quy trình; nội dung trọng điểm có người chịu trách nhiệm, được kiểm soát trước khi phát hành; xây dựng phương án ứng phó khủng hoảng với đầu mối, người phát ngôn, quy trình rõ ràng; diễn tập và cập nhật phương án hằng năm.

Thông tin chính sách, pháp luật trên mạng xã hội phải đăng tải qua tài khoản chính thức đã định danh, xác thực; nội dung sử dụng trí tuệ nhân tạo phải được kiểm chứng trước khi phát hành, gắn nhãn cảnh báo và đính chính khi cần; nghiêm cấm tạo lập, phát tán thông tin giả mạo, làm sai lệch nội dung pháp luật.

PHẦN IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

Đề án được tổ chức theo nguyên tắc "Một đầu mối điều phối - Nhiều chủ thể cùng thực hiện - Một hệ thống dữ liệu dùng chung":

1. Cấp chỉ đạo: UBND thành phố chỉ đạo chung, phê duyệt kế hoạch hằng năm và quyết định điều chỉnh Đề án.

2. Cơ quan thường trực: Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, điều phối, tổng hợp;

3. Cơ quan phối hợp: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Báo và phát thanh, truyền hình Đà Nẵng; Cổng Thông tin điện tử thành phố chịu trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ theo dõi, triển khai Đề án.

4. Cấp thực hiện: các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu, cơ quan báo chí, trường, viện, doanh nghiệp xây dựng kế hoạch và thực hiện các nhiệm vụ Đề án.

Chế độ phối hợp: các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ và báo cáo kết quả định kỳ hằng năm và đột xuất (nếu có) về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo UBND thành phố.

II. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH

1. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

Là cơ quan chủ trì thực hiện Đề án, có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án hàng năm. Đồng thời, lồng ghép việc thực hiện với các chương trình, kế hoạch khác có liên quan (nếu có). Bám sát Bộ tiêu chí đánh giá kết quả truyền thông khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tại Quyết định 2451/QĐ-BKHCN ngày 22/5/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ để triển khai thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan, UBND các phường, xã, đặc khu, viện/trường xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc Đề án.

c) Định kỳ hằng năm, trước ngày 15/12 báo cáo kết quả thực hiện đề án gửi UBND thành phố theo quy định hoặc khi có yêu cầu đột xuất; báo cáo tổng kết Đề án để làm căn cứ đề xuất xây dựng nhiệm vụ giai đoạn tiếp theo.

d) Chủ trì xây dựng, cung cấp tài liệu, thông tin, nội dung chuyên môn và hướng dẫn giải thích các chủ trương, cơ chế, chính sách thuộc lĩnh vực KHCN, ĐMST và CĐS; phối hợp với các cơ quan báo chí, cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai công tác truyền thông, bảo đảm thông tin chính xác, kịp thời, dễ tiếp cận và phù hợp với từng nhóm đối tượng

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chỉ đạo, hướng dẫn, quản lý hoạt động của cơ quan báo chí trên địa bàn thành phố; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan cung cấp thông tin truyền thông về KHCN, ĐMST và CĐS.

Phối hợp với Ban Tuyên giáo Thành ủy trong công tác định hướng thông tin, tuyên truyền về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên báo chí, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của từng cơ quan.

Phối hợp hướng dẫn công tác tuyên truyền về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên hệ thống thông tin cơ sở; lồng ghép nội dung tuyên truyền trong các lễ hội, sự kiện, hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch phù hợp với điều kiện thực tế.

3. Sở Tài chính

Tại thời điểm xây dựng dự toán ngân sách hàng năm, trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương, ý kiến của Sở Khoa học và Công nghệ và khả năng cân đối, tổng hợp tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Đề án theo khả năng cân đối ngân sách đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định khác có liên quan.

4. Sở Ngoại vụ

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai công tác truyền thông trên kênh báo chí, truyền thông nước ngoài; đón và làm việc với phóng viên nước ngoài;

Chủ trì giới thiệu nội dung của Đề án qua cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Góp ý về mặt đối ngoại đối với một số nội dung truyền thông liên quan liên quan đến Đề án.

5. Sở Tư pháp

Tham mưu lồng ghép nội dung phổ biến, các văn bản pháp luật mới về KHCN, ĐMST và CĐS và việc huy động đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật tham gia phổ biến các nội dung này tại cơ sở vào kế hoạch triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của thành phố.

6. Các sở: Nông nghiệp và Môi trường; Y tế; Công Thương; Giáo dục và Đào tạo; Nội vụ

Các sở, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và điều kiện thực tế, chủ động lồng ghép hoạt động truyền thông về KHCN, ĐMST và CĐS vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm; phối hợp cung cấp thông tin, tư liệu và cử đầu mối liên hệ phục vụ công tác truyền thông theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ.

7. Công an thành phố

Phối hợp quản lý an toàn an ninh mạng; phối hợp theo dõi, xác minh và xử lý thông tin sai lệch theo quy định của pháp luật.

8. Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp; Trung tâm Hỗ trợ xúc tiến đầu tư – Văn phòng UBND thành phố

Cung cấp thông tin, câu chuyện về doanh nghiệp công nghệ cao, dự án đầu tư; phối hợp truyền thông quốc tế, sự kiện xúc tiến đầu tư; sử dụng bộ tài liệu đa ngữ của Đề án trong hoạt động truyền thông.

9. Hội Nhà báo thành phố

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ triển khai các nhiệm vụ: tổ chức Giải báo chí về KHCN, ĐMST và CĐS; tuyên truyền, phát động, vận động các cơ quan báo chí, hội viên và người làm báo tham gia; tổng kết, đánh giá hiệu quả và lan tỏa các tác phẩm báo chí tiêu biểu về KHCN, ĐMST và CĐS trên địa bàn thành phố.

10. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và nhân dân tham gia các hoạt động thông tin tuyên truyền về KHCN, ĐMST và CĐS.

Thành đoàn, Hội Nhà báo, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Người cao tuổi, Hội Nông dân tổ chức tuyên truyền, tập huấn nâng cao kỹ năng số an toàn cho hội viên và người dân.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU; CÁC VIỆN NGHIÊN CỨU, TRƯỜNG ĐẠI HỌC/CAO ĐẲNG; CÁC CƠ QUAN THÔNG TẤN BÁO CHÍ VÀ CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

1. UBND các xã, phường, đặc khu

Chủ trì xây dựng kế hoạch và thực hiện các nhiệm vụ cụ thể về truyền thông KHCN, ĐMST và CĐS hằng năm. Định kỳ hằng năm, trước ngày 30/11 hoặc khi có yêu cầu đột xuất, các đơn vị báo cáo kết quả thực hiện cho Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND thành phố theo quy định.

Bố trí nhân sự đầu mối truyền thông của cơ quan và cung cấp thông tin về Sở Khoa học và Công nghệđể theo dõi, phối hợp triển khai nhiệm vụ.

2. Báo và phát thanh, truyền hình Đà Nẵng; Cổng Thông tin điện tử thành phố và các cơ quan thông tấn báo chí khác

Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan thực hiện các hoạt động truyền thông, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của xã hội và quảng bá hoạt động phát triển KHCN, ĐMST và CĐS của thành phố Đà Nẵng.

Thực hiện chuyên mục truyền hình, phát thanh định kỳ và chuyên trang, tuyến bài chuyên sâu về KHCN, ĐMST và CĐS theo đặt hàng; chia sẻ tư liệu vào kho tư liệu dùng chung.

Phát động, tham gia giải báo chí về KHCN, ĐMST và CĐS.

3. Các viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng; các tổ chức/doanh nghiệp KH&CN; các tổ chức/doanh nghiệp khởi nghiệp và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, các đơn vị có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và triển khai công tác truyền thông về các hoạt động KHCN, ĐMST và CĐS.

Cử đầu mối phối hợp cung cấp thông tin, hình ảnh, dữ liệu và tham gia mạng lưới cộng tác viên, chuyên gia phục vụ công tác truyền thông KHCN, ĐMST và CĐS của thành phố.

4. Tổ chức, cá nhân tham gia Đề án

Sử dụng kinh phí của Đề án đúng mục đích, có hiệu quả, không lãng phí, tuân thủ Luật ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

Kịp thời phản ánh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tham gia Đề án với Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp tham mưu UBND thành phố Đà Nẵng có những điều chỉnh phù hợp đảm bảo Đề án được triển khai hiệu quả.

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

Năm 2026: Tập trung rà soát, hoàn thiện hành lang pháp lý; xác định đầu mối tại các cơ quan, đơn vị, địa phương. Rà soát, bố trí nguồn nhân lực, kinh phí và chuẩn bị các điều kiện triển khai Đề án.

Năm 2027: Triển khai đồng bộ cơ chế phối hợp trên toàn thành phố; xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu, kho nội dung dùng chung; tổ chức bồi dưỡng cho cán bộ đầu mối và hình thành mạng lưới cộng tác viên truyền thông; triển khai các nhiệm vụ truyền thông theo các nhóm nội dung và đối tượng ưu tiên; tăng cường sản phẩm báo chí, chuyên sâu, sản phẩm số, đa phương tiện và truyền thông sự kiện theo quy trình trước - trong - sau; thúc đẩy truyền thông quốc tế.

Năm 2028 - 2029: Mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng các hoạt động truyền thông trong nước và quốc tế, ưu tiên các nhóm đối tượng và địa bàn có mức độ tiếp cận thông tin còn hạn chế; Tiếp tục nâng số lượng và chất lượng mạng lưới cộng tác viên; duy trì bồi dưỡng chuyên sâu cho cán bộ đầu mối.

Tăng cường các hình thức truyền thông KHCN, ĐMST và CĐS, câu chuyện khởi nghiệp, nội dung hướng dẫn sử dụng công nghệ và dịch vụ số; phát triển nội dung đa ngôn ngữ, trong đó từ năm 2028 triển khai thêm ít nhất một ngoại ngữ ngoài tiếng Anh.

Năm 2030: Hoàn thiện các mục tiêu của Đề án; duy trì và nâng cao hiệu quả hệ thống phối hợp, dữ liệu và mạng lưới truyền thông; tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, mức độ đạt các chỉ tiêu và đề xuất định hướng, nhiệm vụ cho giai đoạn tiếp theo.

V. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, THEO DÕI VÀ ĐIỀU CHỈNH

1. Các sở, ban, ngành, UBND các phường, xã, đặc khu, các viện, trường và tổ chức có liên quan thực hiện báo cáo kết quả công tác xây dựng kế hoạch và triển

khai nhiệm vụ truyền thông KHCN, ĐMST và CĐS về Sở Khoa học và Công nghệ định kỳ hằng năm (trước ngày 30/11).

2. Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo UBND thành phố và Bộ KH&CN theo quy định.

3. Căn cứ kết quả hằng năm, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND thành phố điều chỉnh chỉ tiêu, nhiệm vụ, kinh phí cho phù hợp. Các điều chỉnh trong phạm vi một nhiệm vụ không làm thay đổi tổng kinh phí được thực hiện trong kế hoạch hằng năm.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí khái toán dự kiến thực hiện các nhiệm vụ truyền thông KHCN, ĐMST và CĐS trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, giai đoạn 2026 - 2030, là: 119.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm mười chín tỷ, năm trăm triệu đồng). Chi tiết tại Phụ lục đính kèm.

b) Mức kinh phí nêu trên là khái toán dự kiến làm cơ sở định hướng xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai; không phải là hạn mức cấp phát ngân sách cố định hay cam kết ngân sách nhà nước nhiều năm của Ủy ban nhân dân thành phố. Việc bố trí, phân bổ và quyết toán kinh phí cụ thể hằng năm được thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và khả năng cân đối thực tế của ngân sách địa phương trong từng thời kỳ.

2. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước dành cho ngành KHCN, ĐMST và CĐS phân bổ cho các sở ban ngành và địa phương.

Nguồn kinh phí lồng ghép các chương trình, kế hoạch, đề án tại đơn vị.

Nguồn tài trợ, đóng góp của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Cụ thể các nguồn kinh phí ngân sách nhà nước:

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Nguồn kinh phí	Tổng kinh phí	2027	2028	2029	2030
Sở, ban, ngành, hội, đoàn thể	5.600	1.400	1.400	1.400	1.400
UBND xã, phường, đặc khu	75.200	18.800	18.800	18.800	18.800
Kinh phí chi cho ngành KHCN, ĐMST và CĐS	38.700	10.650	9.350	9.350	9.350
Tổng	**119.500**	**30.850**	**29.550**	**29.550**	**29.550**

Phụ lục

NHIỆM VỤ TRUYỀN THÔNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Quyết định số 5253 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng)

(ĐVT: triệu đồng)

TT	Nhiệm vụ	Nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian	2027	2028	2029	2030	Ghi chú
I	**Xây dựng và vận hành hệ thống quản lý tư liệu truyền thông KHCN, ĐMST và CĐS**	**1. Xây dựng hệ thống quản lý tư liệu truyền thông ngành KHCN, ĐMST và CĐS**				**1.000**	**300**	**300**	**300**	
		1.1. Xây dựng hệ thống quản lý tư liệu (ảnh, video, đồ họa, dữ liệu) dùng chung có quản lý quyền sử dụng; số hóa tư liệu hiện có của các đơn vị	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo và Phát thanh, Truyền hình Đà Nẵng; Cổng Thông tin điện tử thành phố; Các cơ quan, đơn vị liên quan	2027-2030	1.000	200	200	200	
		1.2. Vận hành, bảo trì và phát triển tư liệu dùng chung, bảo đảm an toàn thông tin.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2028 - 2030	0	100	100	100	
		2. Xây dựng và phát triển hệ thống truyền thông mạng xã hội đảm bảo tính liên kết giữa các trang thông tin (website, landing page, Mạng xã hội X, Facebook, Instagram, Tiktok, Linkedin…) truyền thông	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị liên quan	2027-2030	**200**	**200**	**200**	**200**	

		cho các lĩnh vực.								
		TỔNG (I)				**1.200**	**500**	**500**	**500**	
II	**Tổ chức sản xuất nội dung liên ngành và chương trình nội dung thường niên trong các lĩnh vực**	**1. Truyền thông lĩnh vực KH&CN**				**1.300**	**1.300**	**1.300**	**1.300**	
		1.1. Truyền thông các chủ trương, chính sách KH&CN; Các thành tựu nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược, công nghệ sinh học, an toàn bức xạ hạt nhân, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; các mô hình, sản phẩm KH&CN tiêu biểu...	Sở Khoa học và Công nghệ	Cổng thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng; Báo và phát thanh, truyền hình Đà Nẵng; Các cơ quan thông tấn, báo chí	2027-2030	500	500	500	500	
		1.2. Truyền thông các sự kiện ngày hội, ngày kỷ niệm về KH&CN cấp thành phố/cấp cơ sở	Sở Khoa học và Công nghệ	Cơ quan thông tấn báo chí; Các cơ quan, đơn vị liên quan	2027-2030	300	300	300	300	
		1.3. Sản xuất các sản phẩm truyền thông số (video clip, podcast…) về câu chuyện nhà khoa học tiêu biểu, sản phẩm nghiên cứu, kết quả ứng dụng KH&CN, phòng thí nghiệm…	Sở Khoa học và Công nghệ	Cổng thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng; Báo và phát thanh, truyền hình Đà Nẵng; Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2027-2030	200	200	200	200	

		1.4. Xuất bản các sản phẩm truyền thông trực quan: ấn phẩm, kỷ yếu, brochure, standee, phướn, băng rôn, đồ họa thông tin,…về thông tin chính sách, sự kiện, hoạt động, thành tựu KH&CN của thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2027-2030	100	100	100	100	
		1.5. Tổ chức các hoạt động hội nghị, hội thảo, tập huấn tuyên truyền, phổ biến về cơ chế, chính sách, hoạt động về KH&CN	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường, đặc khu; viện, trường	2027-2030	200	200	200	200	
		2. Truyền thông lĩnh vực ĐMST, khởi nghiệp sáng tạo và phát triển thương hiệu "Đà Nẵng - Thành phố ĐMST"				**2.300**	**2.200**	**2.200**	**2.200**	
		2.1. Truyền thông các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo; các tổ chức hỗ trợ, cơ sở ươm tạo, không gian làm việc chung, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư, chuyên gia, cố vấn và các mạng lưới đổi mới sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo và phát thanh, truyền hình Đà Nẵng; Cổng Thông tin điện tử thành phố; Các cơ quan thông tấn, báo chí	2027-2030	700	700	700	700	
		2.2. Xây dựng và phát triển thương hiệu "Đà Nẵng - Thành phố ĐMST".	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2027-2030	300	200	200	200	

		2.3. Truyền thông các sự kiện, ngày hội, ngày kỷ niệm về ĐMST cấp quốc gia, cấp thành phố và cấp địa phương, đơn vị.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND xã, phường, đặc khu; Các đơn vị có liên quan	2027-2030	500	500	500	500	
		2.4. Sản xuất các sản phẩm truyền thông số (video clip, podcast…) về các mô hình, dự án, doanh nghiệp và câu chuyện khởi nghiệp tiêu biểu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Cổng thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng; Báo và phát thanh, truyền hình Đà Nẵng; Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2027-2030	500	500	500	500	
		2.5. Xuất bản các sản phẩm truyền thông trực quan (ấn phẩm, kỷ yếu, brochure, standee, phướn, băng rôn, đồ họa thông tin…) về cơ chế, chính sách, sự kiện, hoạt động ĐMST, khởi nghiệp sáng tạo của thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	2027-2030	200	200	200	200	
		2.6. Xây dựng các nội dung, tài liệu truyền thông về ĐMST, khởi nghiệp sáng tạo trong học sinh, sinh viên, thanh niên trên địa bàn thành phố.	Thành đoàn	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND xã, phường, đặc khu	2027-2030	100	100	100	100	
		3. Truyền thông lĩnh vực CĐS, nâng cao hiểu biết và kỹ năng số an toàn cho người dân				**2.400**	**2.400**	**2.400**	**2.400**	

		3.1. Truyền thông các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án, kế hoạch về CĐS của thành phố; giới thiệu các hệ thống số, hạ tầng số, dịch vụ số, mô hình chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo và phát thanh, truyền hình Đà Nẵng; Cổng Thông tin điện tử thành phố; Các cơ quan thông tấn, báo chí	2027-2030	500	500	500	500	
		3.2. Triển khai Phong trào "Bình dân học vụ số" gắn với "Học tập số" trên địa bàn thành phố (quản lý, vận hành Nền tảng Bình dân học vụ số quốc gia)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường, đặc khu; Các đơn vị liên quan	2027 - 2030	200	200	200	200	
		3.3. Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn về xây dựng và phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; Tập huấn nghiệp vụ cho Tổ CNSCĐ và Đề án 06.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND xã, phường, đặc khu; Các đơn vị liên quan	2027 - 2030	450	450	450	450	
		3.4. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về CĐS, an toàn thông tin thông qua hình thức cuộc thi, hội thi phát sóng trên đài truyền hình địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ; Báo và phát thanh, truyền hình Đà Nẵng	UBND xã, phường, đặc khu	2027-2030	400	400	400	400	
		3.5. Sản xuất các sản phẩm truyền thông số (video clip, podcast…) về CĐS và thủ tục hành chính hướng dẫn cho	Sở Khoa học và Công nghệ	Cổng thông tin điện tử thành phố Đà Nẵng; Báo và phát thanh, truyền hình	2027-2030	200	200	200	200	

		người dân.		Đà Nẵng; Các đơn vị liên quan						
		3.6. Truyền thông trực quan (ấn phẩm, kỷ yếu, brochure, standee, phướn, băng rôn, đồ họa thông tin…) về cơ chế, chính sách, sự kiện, hoạt động CĐS của thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị liên quan	2027-2030	200	200	200	200	
		3.7. Tổ chức chương trình tuyên tuyền, phổ biến, tập huấn nhằm nâng cao kỹ năng về CĐS.	Các sở, ban, ngành; các tổ chức chính trị - xã hội	Sở Khoa học và Công nghệ	2027-2030	350	350	350	350	
		3.8. Tổ chức hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức về CĐS cho học sinh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an thành phố	2027-2030	100	100	100	100	
		TỔNG (II)				**6.000**	**5.900**	**5.900**	**5.900**	
III	**Truyền thông về KHCN, ĐMST và CĐS tại doanh nghiệp, nhà máy, cơ sở sản xuất**	Tổ chức hoạt động truyền thông, hướng dẫn, tập huấn và đối thoại chính sách	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2027 - 2030	**100**	**100**	**100**	**100**	

IV	**Truyền thông KHCN, ĐMST và CĐS qua kênh của Nhà sáng tạo nội dung có ảnh hưởng trên mạng xã hội (KOL)**	Xây dựng nội dung số và thực hiện quảng bá về KHCN, ĐMST và CĐS trên mạng xã hội thông qua các kênh của Nhà sáng tạo nội dung có ảnh hưởng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị liên quan	2027 - 2030	**500**	**500**	**500**	**500**	
V	**Phổ biến, giải thích chính sách, pháp luật mới về KHCN, ĐMST và CĐS theo chuyên đề**	Phổ biến, giải thích chính sách, pháp luật mới về KHCN, ĐMST và CĐS theo chuyên đề dưới dạng sản phẩm hướng dẫn tuân thủ cho doanh nghiệp, tổ chức khởi nghiệp và người dân; lồng ghép với kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm và kết nối với Cổng Pháp luật quốc gia.	Sở Tư pháp	Sở Khoa học và Công nghệ; Các cơ quan, đơn vị liên quan	2027-2030	**150**	**150**	**150**	**150**	
VI	**Truyền thông về KHCN, ĐMST và CĐS tại các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể**	Xây dựng các nội dung truyền thông về KHCN, ĐMST và CĐS lồng ghép các nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể…	Sở, ban, ngành, hội, đoàn thể	Sở Khoa học và Công nghệ; Các cơ quan, đơn vị liên quan	2027 - 2030	**500**	**500**	**500**	**500**	
VII	**Truyền**	Xây dựng các nội dung truyền	UBND xã,	Sở Khoa học và	2027 -	**18.800**	**18.800**	**18.800**	**18.800**	

	thông về KHCN, ĐMST và CĐS tại xã phường, đặc khu.	thông về KHCN, ĐMST và CĐS lồng ghép các nhiệm vụ của các xã phường, đặc khu.	phường, đặc khu	Công nghệ; Các cơ quan, đơn vị liên quan	2030					
VIII	**Truyền thông KHCN, ĐMST và CĐS tại tổ chức nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, trung tâm đổi mới sáng tạo và mô hình địa phương**	Xây dựng mô hình, điển hình truyền thông phù hợp với điều kiện địa phương và tổ chức nhân rộng	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND xã, phường, đặc khu	Tổ chức nghiên cứu; Cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng; Các cơ quan, đơn vị liên quan	2027 - 2030	**200**	**200**	**200**	**200**	
IX	**Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực truyền thông**	Tổ chức/tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực truyền thông, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, đào tạo gắn với sản phẩm thực tế.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; Cổng thông tin điện tử thành phố Đ UBND xã, phường, đặc khu	2027-2030	**500**	**500**	**500**	**500**	

X	**Xây dựng và phát triển mạng lưới cộng tác viên truyền thông**	1. Xây dựng và phát triển mạng lưới chuyên gia truyền thông, cộng tác viên nòng cốt theo lĩnh vực, địa bàn (tổ chức hội nghị, tập huấn, đi thực tế… cho đội ngũ cộng tác viên)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các trường, viện; UBND các xã, phường, đặc khu; Thành đoàn; Cơ quan thông tấn báo chí; Các đơn vị liên quan	2027-2030	200	200	200	200	
		2. Tổ chức Giải báo chí chuyên đề về KHCN, ĐMST và CĐS trên địa bàn thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ; Hội Nhà báo	Các sở, ban, ngành, UBND xã, phường, đặc khu; Cổng thông tin điện tử thành phố; Báo và phát thanh, truyền hình Đà Nẵng; Các viện, trường; Doanh nghiệp, hiệp hội; Các đơn vị liên quan	2027-2030	300	300	300	300	
		TỔNG (X)				**500**	**500**	**500**	**500**	

XI	**Truyền thông quốc tế và thu hút nguồn lực**	1. Mở rộng hợp tác với các đối tác truyền thông quốc tế; truyền thông gắn với các sự kiện, chương trình kết nối mạng lưới chuyên gia quốc tế: Tổ chức/tham gia các sự kiện, các chương trình kết nối quốc tế về KHCN, ĐMST và CĐS, nhằm xây dựng hiện diện của thành phố Đà Nẵng trên các hệ thống truyền thông quốc tế, tăng cường cơ hội hợp tác nghiên cứu và đẩy mạnh công tác truyền thông, phát triển nguồn nhân lực, xúc tiến đầu tư.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Ngoại vụ; Trung tâm Hỗ trợ xúc tiến đầu tư; Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp; Các đơn vị liên quan	2027-2030	500	500	500	500	
		2. Xây dựng bộ tài liệu đa ngữ (hồ sơ về cơ chế chính sách và hoạt động KHCN, ĐMST và CĐS của thành phố, sách dữ liệu, bộ tài liệu báo chí, video quảng bá…) bằng tiếng Anh và tối thiểu 01 ngoại ngữ theo thị trường ưu tiên.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Ngoại vụ; Trung tâm Hỗ trợ xúc tiến đầu tư; Các đơn vị liên quan	2027-2030	100	200	200	200	
		3. Truyền thông về KHCN, ĐMST và CĐS trên hệ thống thông tin, truyền thông quốc tế.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Văn hoá, Thể Thao và Du lịch; Sở Ngoại vụ; Trung tâm Hỗ trợ xúc tiến đầu tư; Các đơn vị liên quan	2027-2030	1.000	1.000	1.000	1.000	

		TỔNG (XI)				**1.600**	**1.700**	**1.700**	**1.700**	
XII	**Đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ công tác truyền thông**	Mua sắm trang thiết bị cần thiết phục vụ công tác truyền thông.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	2027-2030	600				- Mua sắm thiết bị phục vụ công tác truyền thông (máy quay phim, máy ảnh, các thiết bị chuyên dụng…) - Nguồn kinh phí mua sắm trang thiết bị hằng năm của thành phố.
XIII		Thực hiện khảo sát, đánh giá kết quả truyền thông khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Quyết định số 2541/QĐ-BKHCN; tổ chức khen thưởng động viên kịp thời	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở ban ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	2027-2030	200	200	200	200	
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX+X+XI+XII+XIII)				**119.500**	**30.850**	**29.550**	**29.550**	**29.550**	

(Bằng chữ: Một trăm mười chín tỷ, năm trăm triệu đồng).